

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **209/2019/DS-PT**

Ngày: 31-10-2019

V/v: “*Kiến tranh chấp lỗi đi và hủy
Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Tấn Trường**

Các Thẩm phán: **Ông Mai Xuân Thành**

Ông Phạm Tồn

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hồng Phụng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Trần Thanh Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công K vụ án thụ lý số 219/TBTL-TA ngày 08 tháng 8 năm 2019 về “*Tranh chấp lỗi đi và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2019/DS-ST ngày 21/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình có kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1379/2019/QĐ-PT ngày 03 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Xuân N; địa chỉ: Thôn 1, P, xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Thế H và ông Trần Văn P

Cùng Địa chỉ: Thôn 1, P, xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Ông H, ông P đều có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Vũ Xuân H, sinh năm 1972; địa chỉ: tỉnh Quảng Bình (Theo văn bản ủy quyền số 21 ngày 31/8/2019). Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa, vụ liên quan:*

- Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quang V, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện B, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Nam T, chức vụ: Chủ tịch UBND xã S.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn S, chức vụ: Công chức địa chính, vắng mặt.

- Bà Hồ Thị Q; địa chỉ: Thôn 1, P, xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- Bà Nguyễn Thị B; địa chỉ: Thôn 1, P, xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của bà B: Ông Trần Anh H; địa chỉ: tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

- Ông Phạm Trường G; địa chỉ: thôn P, xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Xuân N trình bày:

Gia đình ông và em ruột ông là Phạm Trường G được Nhà nước cấp đất tại thôn 1 P, S, B, Quảng Bình, đã được cấp sổ đỏ theo quy định. Mảnh đất này cách đường tỉnh lộ 562 đi qua thôn P. Phía trước đất của gia đình ông là đất của ông G, tiếp theo là đất ông Trần Thế H có mặt tiền tiếp giáp đường tỉnh lộ 562. Bên trái đất ông Trần Thế H có một con đường dân sinh phục vụ đi lại cho các gia đình phía sau, trong đó có gia đình ông và nhiều hộ gia đình khác (theo hướng từ đường tỉnh lộ đi vào nhà ông Nghĩa); Bên phải lối đi là đất ông Trần Văn P. Theo bản đồ địa chính năm 1997 con đường rộng 6m, tuy nhiên hiện nay chỉ còn lại chỗ rộng nhất 2,7 m và chỗ hẹp nhất 1,6m do quá trình sử dụng gia đình ông Trần Thế H và ông Trần Văn P lấn chiếm, trồng cây cối, làm chuồng bò, rào hàng rào lấn ra đường ngõ. Năm 2013, Nhà nước tiến hành đo đạc để cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã đo thực tế sử dụng. Vì vậy, diện tích đất của Ông H và ông P đều tăng lên trong khi đó lối đi chung bị hẹp lại so với trước đó. Diện tích đất Ông H cấp năm 2009 là 1.222m², cấp đổi lại năm 2015 là 1.654,4m². Diện tích đất ông P cấp năm 2010 là 1.235m², cấp đổi lại tăng 1.679,4m². Việc này đã gây khó khăn cho việc đi lại của các hộ dân ở phía sau. Khi đo đạc, cán bộ địa chính tự đo và lập hồ sơ không lấy ý kiến của các hộ liền kề. Sau nhiều lần hòa giải tại UBND xã S, cả ba gia đình gồm gia đình ông, ông P, Ông H thống nhất mở con đường rộng 3m từ mặt tiền đường 562 vào hết phần đất của gia đình ông P và Ông H để gia đình ông đi lại. Ông H đã chặt cây cối trên chiều dài 14m từ ngoài vào nhưng sau đó lại không chặt nữa vì cho rằng ông đã được cấp sổ đỏ. ông P thì làm chuồng bò, trồng cây lên đường. Vì vậy ông đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của

ông Trần Thế H và ông Trần Văn P để điều chỉnh lại diện tích đất cho đúng thực tế và theo hồ sơ địa chính năm 1997. Yêu cầu ông Trần Thế H và ông Trần Văn P chấm dứt hành vi lấn chiếm trả lại nguyên trạng đường dân sinh theo đúng hồ sơ địa chính năm 1997 trong đó Ông H phải trả lại chiều dài 35,6m x 3,5m chiều rộng = 122,65m² đã nằm trong sổ đỏ, ông P trả lại khoảng cách 1 chiều dài 25,3m x 0,5m = 12,65m² và khoảng cách 2 chiều dài 10,2m x 1,5m = 15,3m² đã nằm trong sổ đỏ. Tại phiên toà sơ thẩm, ông Nghĩa yêu cầu trả lại con đường bốn mét, trong đó phần Ông H lấn chiếm tính từ mép đường vào sát mép cột điện, rộng khoảng 1 mét, chiều dài từ đường tỉnh lộ vào là 20 mét, phần ông P phía sau lấn 01 mét kéo dài về phía trước 10 mét, phía trước từ vị trí chuồng bò lấn ra 70cm, kéo dài ra phía sau 10 mét và yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông P và Ông H.

Bị đơn ông Trần Xuân H tại bản tự khai và các phiên hòa giải và tại phiên toà sơ thẩm trình bày:

Đất gia đình ông ở từ năm 1980, năm 2010 ông được cấp thẻ đỏ lần 1, năm 2015 ông được cấp đổi thẻ đỏ lần 2. Theo ông con đường có lối đi không rộng như ông Nghĩa trình bày mà chỉ rộng 2m, trên con đường các cây trồng đã có từ lâu, có cây xoài ông trồng đường kính 30cm, ông chỉ chấp nhận mở đường rộng 2,5m. Sở dĩ diện tích thẻ đỏ tăng lên qua lần cấp đổi vì phía đông thừa đất của ông có thừa đất màu nhưng khi cấp đất ông chưa kê khai, sau đó dự án đo đạc năm 2013 thực hiện việc đo đạc trên hiện trạng sử dụng đất. Theo ông bản đồ năm 1997 vẽ tay là không chính xác nên không dùng tỉ lệ trên bản đồ kết luận là đường đất 4 mét. Ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nghĩa.

Bị đơn ông Trần Văn P tại bản tự khai và các phiên hòa giải trình bày:

Ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nghĩa, vì đất ông ở có nguồn gốc sử dụng từ năm 1980, trên lối đi lại có trồng cây rươi, cây mát từ khi mới đến ở, ranh giới này cố định từ lâu, không có việc lấn chiếm đường dân sinh. Việc ông Nghĩa trình bày đường rộng 4 m là hoàn toàn không có căn cứ vì bản đồ năm 1997 là không chính xác, đề nghị căn cứ vào bản đồ mới để giải quyết. Việc mở đường ông đã chấp nhận như kết quả hòa giải tại UBND xã và đã cắm mốc nhưng sau đó do con ông Nghĩa đã nhổ vứt đi nên không thực hiện được. Ông không nhất trí con đường rộng 4m. Đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Hồ Thị Q và bà Nguyễn Thị B tại các phiên hòa giải không có mặt. Tòa án đã có giấy triệu tập đối với bà Q và bà B đến tòa án làm việc nhưng bà Q và bà B không đến. Tại phiên toà sơ thẩm, bà Q yêu cầu giải quyết theo pháp luật; Bà B uỷ quyền cho anh H tham gia tố tụng, trình bày không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bởi vì hàng cây trồng sát đường dân sinh đã có từ lâu và ông Nghĩa khởi kiện

không rõ ràng, đề nghị căn cứ vào bản đồ mới năm 2016 để giải quyết.

Ý kiến của UBND xã S: Việc tranh chấp đất đường giao thông giữa các hộ đã được UBND xã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Theo UBND xã thì tuyến đường này theo bản đồ địa chính xã năm 1997 được thể hiện rộng 4m, trong quá trình sử dụng đất Ông H và ông P đã coi nói thêm, đến năm 2014 thì đơn vị đo đạc đo theo hiện trạng. UBND xã cũng yêu cầu Ông H ông P nên thống nhất mở đường rộng 3m. Nếu các hộ không thống nhất thì yêu cầu UBND huyện kiểm tra lại thể đồ của các hộ, nếu sai thì thu hồi để điều chỉnh lại đúng như bản đồ năm 1997. Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện UBND xã trình bày thêm: Việc các đương sự nói bản đồ năm 1997 đo vẽ không chính xác là không có căn cứ vì bản đồ sau là sự kế thừa bản đồ trước. Bản đồ năm 2015 là việc chỉnh lý, đo vẽ hiện trạng sử dụng đất do cơ quan đo đạc thực hiện không có người chỉ dẫn, đề nghị Toà án xem xét.

Ý kiến của UBND huyện B theo Công văn số 945 ngày 10/6/2019, UBND huyện B: Hộ ông P, bà Q được cấp đất năm 2009 với diện tích 1.235m² tại thửa 438, tờ bản đồ số 19 thuộc xã S. Khi cấp đất không thể hiện kích thước đường giao thông. Năm 2013, thực hiện dự án hoàn thiện hồ sơ địa chính, cơ quan có thẩm quyền đã đo đạc dựa vào hiện trạng sử dụng đất của các hộ để xác định diện tích cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hộ ông P được cấp 1.679,4 m², tăng 444,4m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2009 tại thửa 111, tờ bản đồ 91. Hộ Ông H được cấp đất lần đầu năm 2010 với diện tích 1222m². Thửa 439, tờ bản đồ số 19 thuộc xã S. Khi cấp đất không thể hiện kích thước đường giao thông. Năm 2015 cấp đổi lại diện tích đất 1.656,4m², tăng 434,4m² so với giấy cũ tại thửa 108, tờ bản đồ số 91 thuộc xã S.

Tại thời điểm cấp đổi Giấy chứng nhận không thể hiện kích thước đường giao thông. Trình tự thủ tục cấp đổi đều đảm bảo đúng pháp luật: Công K niêm yết danh sách, các hộ liên kê ký giáp ranh, đất không có tranh chấp, đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2017, Ông H bà B có đơn đề nghị tách năm thửa để cho các con, tuy nhiên xảy ra tranh chấp nên Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã dừng việc chuyển nhượng và trả lại giấy gốc cho Ông H, bà B, giấy số CB 094382 cấp ngày 10/9/2015. Trong quá trình cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, UBND huyện đã kiểm tra, đối chiếu với bản đồ phê duyệt năm 1997 thì kích thước thay đổi do bản đồ năm 1997 vẽ tay không chính xác bằng đo vẽ năm 2013. Hơn nữa, bản đồ năm 1997 là bản đồ giấy nên quá trình sử dụng có sự co giãn nhất định. Do vậy, căn cứ vào bản đồ năm 1997 để xác định kích thước lối đi chung giữa các hộ gia đình là không có cơ sở, khi xảy ra tranh chấp đề nghị Toà án căn cứ vào tình hình thực tế để giải quyết.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2019/DS-ST ngày 21/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 34, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, 202, 203 Luật đất đai 2013, Điều 254 BLDS năm 2015, Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Xuân N. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB094406 cấp cho ông Trần Văn P và bà Hồ Thị Q thửa số 111, tờ bản đồ 91, diện tích 1679,4m² ngày 10/02/2015 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB094382 cấp cho ông Trần Thế H và bà Nguyễn Thị B thửa số 108, tờ bản đồ 91 diện tích 1656,4m² ngày 10/02/2015, UBND huyện B có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai hộ nói trên đảm bảo đường dân sinh có chiều rộng 3,03 mét. Chiều dài của con đường tiếp giáp vườn Ông H là một đường thẳng nối hai điểm: Từ điểm 1 (góc vườn Tây Bắc đất Ông H) có toạ độ XY (1946183,91; 5303226,99) nối với điểm 4 (cây mát ở góc Tây Nam vườn Ông H có toạ độ XY (1946156,33; 530349,09); chiều dài con đường tiếp giáp vườn ông P là đường thẳng nối hai điểm: từ điểm 2 (góc vườn phía Đông Bắc nhà ông P có toạ độ XY (1946183,56; 530323) nối điểm 5 trong đó điểm 5' cách điểm 5 có toạ độ XY (1946154,96; 530347,13) về phía Tây 0,65m và điểm 5 nằm trên đường thẳng nối điểm 4 (góc cây mát nhà Ông H có toạ độ XY (1946156,33; 530349,09) và điểm 5 (góc vườn phía Đông Nam nhà ông P có toạ độ XY (1946154,96; 530347,13). Buộc Ông H và ông P phải giải toả cây cối lấn ra đường, trả lại mặt bằng lối đi chung. (Kèm theo sơ đồ)

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 28/6/2019, ông Trần Thế H và ông Trần Văn P kháng cáo yêu cầu sửa hoặc hủy bản án sơ thẩm, vì đã vi phạm nghiêm trọng tố tụng trong quá trình xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Thế H và ông Trần Văn P thay đổi nội dung kháng cáo là yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định về tố tụng. Án sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án dân sự đúng trình tự, thủ tục. Về nội dung, các bị đơn kháng cáo, nay người đại diện bị đơn vẫn giữ nguyên các nội dung kháng cáo nhưng không có cơ sở, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại

phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự và của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự được triệu tập hợp lệ, tại phiên tòa hôm nay có một số đương sự vắng mặt; Các đương sự có mặt và đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục phiên tòa; Đây là phiên tòa được triệu tập lần thứ hai, nên HĐXX chấp nhận quyết định tiến hành phiên tòa.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Trần Thế H và ông Trần Văn P yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết xem xét sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện của ông Phạm Xuân N. Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 14/12/2010 UBND huyện B cấp Giấy CNQSDĐ số BB 818973 cho vợ chồng ông Trần Thế H và bà Nguyễn Thị B có diện tích đất 1222m², tại thửa đất số 439, tờ bản đồ số 19. Theo hồ sơ cấp đất thể hiện: Ngày 18/6/2009 tại Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư những người tham gia cuộc họp ký xác nhận, trong đó có chữ ký của ông Phạm Xuân N, có nội dung: *“Tình trạng tranh chấp đất: Không”*. Ngày 10/9/2015 UBND huyện B cấp Giấy CNQSDĐ số CB 094382 cho vợ chồng ông Trần Thế H và bà Nguyễn Thị B có diện tích đất 1656,4m², tại thửa đất số 108, tờ bản đồ số 91. Theo hồ sơ cấp đất thể hiện: Ngày 16/10/2013 tại Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư những người tham gia cuộc họp ký xác nhận, trong đó có chữ ký của ông Phạm Trường G, có nội dung: *“Tình trạng tranh chấp đất: Không”*

[3] Ngày 14/12/2010 UBND huyện B cấp Giấy CNQSDĐ số BB 818976 cho vợ chồng ông Trần Văn P và bà Hồ Thị Q có diện tích đất 1235m², tại thửa đất số 438, tờ bản đồ số 19. Theo hồ sơ cấp đất thể hiện: Ngày 18/5/2009 tại Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư những người tham gia cuộc họp ký xác nhận, trong đó có chữ ký của ông Phạm Xuân N, có nội dung: *“Tình trạng tranh chấp đất: Không”*. Ngày 10/9/2015 UBND huyện B cấp Giấy CNQSDĐ số CB 094406 cho vợ chồng ông Trần Văn P và bà Hồ Thị Q có diện tích đất 1679,4m², tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 91. Theo hồ sơ cấp đất thể hiện: Ngày 16/10/2013 tại Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư những người tham gia cuộc họp ký xác nhận, trong đó có chữ ký của Trưởng thôn và Chủ tịch UBND xã S, có nội dung: *“Tình trạng tranh chấp đất: Không”*

[4] Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 18/01/2019 (bút lục 141), thể hiện: Trên diện tích đất nhà Ông H và nhà ông P giáp ranh với đường dân sinh đang tranh chấp có một số cây lâu năm và tài sản trên đất, theo nguyên đơn trình bày là các bị đơn trồng vào năm 1997 lấn chiếm con đường dân sinh, còn các bị đơn trình bày là có một số cây trồng hằng chục năm qua trước năm

1997. Ngày 24/11/2018 ông Trần Thế H có nộp số liệu để chứng minh con đường 4m hay 2m, trong đó có đoạn: “*..có một hàng cây qua nhiều thế hệ, có nhiều cây để lại gốc...đặc biệt có một cây xoài đã bán cho họ چرا ván làm nhà còn lại một nhánh cây khá to...*”

[5] Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các bị đơn cung cấp hồ sơ chứng minh quá trình sử dụng đất của các bị đơn có sự thay đổi về diện tích và quyền sử dụng đất. Ông H khai là đất Ông H sử dụng trước năm 1980 có tứ cạnh không thay đổi so với bản đồ năm 1997. Ngày 04/7/2004 vợ chồng Ông H bà B đã lập “*Giấy chuyển quyền sử dụng đất*” trên cơ sở đó Ông H chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn K 384m² (dài 32m x mặt tiền rộng 12m) với giá 216.000.000 đồng, có tứ cận: Đông giáp Trục ngang (góc xoan); Tây giáp vườn anh H; Nam giáp vườn anh G; Bắc giáp Quốc lộ 15. Tại “*Bản cam kết thanh toán tiền mua đất*” ngày 04/7/2004 thể hiện ông K là người làm thủ tục để cấp Giấy CNQSDĐ, do vậy Ông H không kê khai vào hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ năm 2010 đối với diện tích đã chuyển nhượng cho ông K (384m²). Ngoài ra, phía trước nhà Ông H giáp với tỉnh lộ 562 có một mương thủy lợi bỏ hoang nên Ông H phục hóa 50,4m² để sử dụng. Sau này khi kê khai lại để cấp Giấy CNQSDĐ năm 2015 Ông H đã kê khai 50,4m² diện tích con mương và 384m² đất đã chuyển nhượng do ông K không chịu thanh toán tiền nên Ông H lấy lại. Do vậy mà đất Ông H kê khai năm 2015 tăng hơn kê khai năm 2010 trên 400m² là do các nguyên nhân trên chứ không phải do ông lấn chiếm đường dân sinh. Còn ông P khai đất ông tăng không phải do ông lấn chiếm đường dân sinh mà do bên cạnh trái liền kề vườn nhà ông có thửa đất số 437 của nhiều hộ dân sử dụng để gieo mạ, trong đó của ông có 330m² và của bà Huỳnh Thị Đảng 135m². Ngày 27/3/2013 ông nhận chuyển nhượng của bà Đảng 135m², do vậy khi chỉnh lý đo đạc ông đã khai thêm 465m² đất gieo mạ này vào, nên khi cấp đổi Giấy CNQSDĐ năm 2015, đất ông tăng thêm 444,4m².

[6] Mặt khác, hồ sơ còn thể hiện những người dân sinh sống tại địa phương có Giấy xác nhận như: Ngày 21/11/2018 ông Nguyễn Xuân D, 61 tuổi trình bày là: “*Ông sống từ nhỏ đã biết con đường đó từ xưa đến nay vẫn giữ nguyên hiện trạng không có sự thay đổi (vẫn như cũ)*” (bút lục 68). Ngày 23/11/2018 ông Dương Văn C, 77 tuổi trình bày là: “*Từ lúc khỏe mạnh ông đi làm đồng hay đi chơi cho đến nay tuổi cao sức yếu đôi khi qua lại thì vẫn con đường đó từ xưa như thế nào thì bây giờ vẫn như thế đó không có gì khác đi*” (bút lục 69). Ngày 22/11/2018 bà Trần Thị D, 85 tuổi trình bày là: “*Con đường đó ngày xưa rất nhỏ, sau này hòa bình thì rộng hơn và anh H, anh P trồng 2 hàng cây ranh giới vườn họ, chiều ngang 2 đầu khác nhau rộng khoảng 2,2m ở giữa bình quân 1,9m; 1,8m*” (bút lục 70). Ngày 24/11/2018 bà Nguyễn Thị T, 75 tuổi trình bày: “*Tôi*

về lấy chồng ở đây năm 1972, trải qua 46 năm rồi, tôi đã từng đi trên đoạn đường này chiều rộng bình quân không quá 2m, con đường đó tồn tại từ xưa đến nay chỉ có như vậy” (bút lục 71). Ông Nguyễn Văn D, 92 tuổi trình bày là: “Từ khi tôi về hưu đến nay, trong thời kỳ đang còn là chiến tranh, hòa bình lập lại cho đến nay con đường mòn lối xóm vẫn nguyên như cũ, hai bên đường có hai hàng cây đã to lớn, khoảng cách con đường chỉ bình quân 2m” (bút lục 72). Bà Nguyễn Thị D, 65 tuổi trình bày là: “Từ khi tôi hiểu biết đến bây giờ trải qua mấy chục năm trước chiến tranh chống Mỹ cho đến bây giờ con đường đó không có gì thay đổi, hai bên có hai hàng cây lâu niên phía đất Ông H và đất ông P cách nhau không quá 2m” (bút lục 73). Ngày 24/11/2018 ông Nguyễn Văn Trọng, 42 tuổi trình bày là: “Tôi lớn lên ở cạnh nhà Ông H con đường mòn ở giữa nhà Ông H và nhà ông P khoảng trên dưới 2m, hơn 20 năm qua con đường đó vẫn nguyên vẹn như cũ, hai hàng cây của Ông H và ông P đã trồng khá lâu” (bút lục 74). Ngày 23/11/2018 ông Nguyễn Văn G, 53 tuổi trình bày là: “Tôi ở trước nhà Ông H nên biết rõ con đường mòn lối xóm khoảng cách từ hàng cây Ông H qua hàng cây ông P bình quân khoảng 2m mà thôi, con đường này có trong thời kỳ chiến tranh cho đến nay không có gì thay đổi” (bút lục 75). Ngày 22/11/2018 ông Hồ Xuân P, 76 tuổi trình bày là: “Theo tôi biết là con đường có từ lâu khoảng 2m và hai bên đường đã trồng cây lâu năm nhiều loại cùng kích thước khác nhau nhưng nằm trên trục đường” (bút lục 76). Ngày 24/11/2018 ông Nguyễn Văn T, 51 tuổi trình bày là: “Tôi biết rất rõ con đường mòn lối xóm, khoảng cách từ hàng cây đất Ông H qua hàng cây ông P hai đầu đường rộng khoảng hơn 2m, có chỗ 1,5m có chỗ 1,8m, cây trồng trên 30 năm” (bút lục 77). Tại Giấy xin chứng nhận (bút lục 45) của ông Trần Văn P, có nội dung: “..hai vợ chồng o dựng Trần Thị C có chuyển nhượng lại cho ông ngoại một nhà tranh 03 gian cùng mảnh vườn có hàng rào cây xanh bốn phía, gồm cây mít, cây dưới, cây lê...hàng rào cây xanh vẫn nguyên như trước đây”, giấy này có xác nhận của các ông bà Hồ B, Nguyễn Thị H, Lê Văn S, Lê Văn S, Trần Ngọc Đ, Nguyễn Xuân D, Nguyễn T. Như vậy với sự làm chứng của gần 20 người dân sinh sống lâu năm tại địa phương là một trong những chứng cứ quan trọng chứng minh con đường giữa hai nhà của Ông H ông P không có gì thay đổi từ trước đến nay.

[7] Ngày 10/6/2019 UBND huyện B gửi văn bản số 954/UBND cung cấp hồ sơ có ghi nhận: “Tại thời điểm cấp đổi Giấy chứng nhận không thể hiện kích thước đường giao thông. Trình tự thủ tục cấp đổi đều đảm bảo đúng pháp luật: Công K niêm yết danh sách, các hộ liền kề ký giáp ranh, đất không có tranh chấp, đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2017, ... Trong quá trình cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, UBND huyện đã kiểm tra, đối chiếu với bản đồ phê duyệt năm 1997 thì kích

thước thay đổi do bản đồ năm 1997 vẽ tay không chính xác bằng đo vẽ năm 2013. Hơn nữa, bản đồ năm 1997 là bản đồ giấy nên quá trình sử dụng có sự co giãn nhất định. Do vậy, căn cứ vào bản đồ năm 1997 để xác định kích thước lối đi chung giữa các hộ gia đình là không có cơ sở, khi xảy ra tranh chấp đề nghị Tòa án căn cứ vào tình hình thực tế để giải quyết”.

[8] Từ những phân tích và nhận định trên đây, xét thấy ông Phạm Xuân N khởi kiện nhưng không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh, trong khi các ông Trần Thế H và ông Trần Văn P kháng cáo có cung cấp được nhiều chứng cứ mới là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[12] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Trần Thế H và ông Trần Văn P không phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm. Ông Phạm Xuân N phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án*”.

Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thế H và ông Trần Văn P, sửa Bản án sơ thẩm số 11/2019/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Áp dụng khoản 9 Điều 26, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 ; Điều 166, Điều 179, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 115, Điều 158, Điều 159 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phạm Xuân N về việc yêu cầu ông Trần Thế H và ông Trần Văn P tháo dỡ tài sản trên đất trả lại con đường đi rộng 4m và hủy Giấy CNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Trần Thế H và hộ ông Trần Văn P.

2. Án phí: Ông Trần Thế H và ông Trần Văn P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho ông Trần Văn P 300.000đ, tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 6201 ngày 08/7/2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Bình. Miễn án phí cho ông Phạm Xuân N, hoàn lại ông Nghĩa 300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số 5101 ngày 16/10/2018 của cục Thi hành án tỉnh Quảng Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 31 tháng 10 năm 2019).

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường